

NHỮNG THÁCH THỨC CHUNG CỦA CÁC NHÀ NƯỚC PHÚC LỢI Ở BẮC ÂU

Ths. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa
Trường Đại học Vinh

Hiện nay, một số vấn đề và thách thức đặt ra đối với các giá trị cốt lõi của hệ thống phúc lợi ở Bắc Âu, không chỉ do những yêu cầu, áp lực mới nảy sinh (bên ngoài) do toàn cầu hoá và châu Âu hoá (hòa nhập EU), mà còn do những thách thức nội tại quốc gia như: số lượng người cao tuổi ngày càng tăng, sự tham gia của người dân vào thị trường lao động và độ tuổi tích cực lao động kéo dài hơn, sự cần thiết duy trì chất lượng các chế độ hưởng thụ lợi ích và thúc đẩy sự hòa nhập của nhóm xã hội dễ tổn thương, đặc biệt là nhóm nhập cư (trong bối cảnh EU hòa nhập và nhất thể hoá) và toàn cầu hoá.

Các phát triển công nghiệp cho thấy, tạo ra việc làm ổn định ở khu vực chế tạo không còn được duy trì ở diện rộng, việc đảm bảo an ninh về việc làm cho nhóm công nhân bán - lãnh nghề, kĩ năng thấp đã thay đổi mạnh và kéo theo thay đổi cấu trúc giai cấp và các lợi ích chính trị kèm theo. Cạnh tranh mạnh mẽ hơn do toàn cầu hoá gia tăng đã thúc đẩy tăng cường mức độ linh hoạt, tăng rủi ro trên thị trường lao động. Phụ nữ /thanh niên ngày càng tham gia và đạt được nhiều tiến bộ trong học vấn, việc làm. Và những yêu cầu, áp lực ngày càng tăng lên về đảm bảo các cơ

hội bình đẳng, yêu cầu về việc phải kết hợp hài hòa giữa công việc và gia đình cho thấy những công việc chăm sóc xã hội đối với trẻ em, người già, ốm... theo kiểu truyền thống (không được tính công và dựa trên phân công lao động theo giới tính) cũng đã đặt những áp lực mới đối với phát triển và ổn định gia đình... Đây là ưu tiên cao cần phải giải quyết trong chương trình nghị sự về việc làm. Tỷ lệ nam giới có việc làm tương đối ổn định. Chính vì phụ nữ thường có tỷ lệ thất nghiệp cao hơn, do vậy việc duy trì mô hình phúc lợi này lại càng đặc biệt cần thiết. Một mặt, vừa nhằm thực hiện chức năng thu hút, sử dụng, phát huy tốt hơn tiềm năng của lao động nữ, mặt khác, điều tiết, hỗ trợ phụ nữ phát triển công danh, sự nghiệp không bị gián đoạn khi họ phải thực hiện trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc con nhỏ hoặc con ốm, nuôi người phụ thuộc ăn theo... Các dịch vụ xã hội cho trẻ em và người già là đặc điểm nổi trội và cần được duy trì một cách có chất lượng.

Bên cạnh việc thực hiện những chính sách cũ, quản lí những rủi ro xã hội theo kiểu cũ, cần thiết có chương trình cải cách mới đối với nhà nước phúc lợi nhằm đáp ứng

những rủi ro xã hội mới, do những thay đổi, bối cảnh phát triển mới tạo ra.

Ngoài ra, cần phải tiếp tục nghiên cứu, khắc phục những yếu kém của mô hình phúc lợi Bắc Âu như: khu vực công chiếm tỉ trọng quá lớn và chi phí đắt đỏ, chiếm phần lớn trong lực lượng lao động. Mức hưởng chế độ lợi ích phúc lợi quá tốt và hào phóng ở khu vực công sẽ dẫn đến tình trạng thiếu động cơ, động lực lao động, suy giảm sáng kiến và trách nhiệm của công dân. Trong nhiều trường hợp sẽ có người lao động chây ì, chỉ thiên về nhận chế độ lợi ích mà không làm việc hiệu quả thực sự. Hoặc có những người không biết chắc chắn về việc mình có được tiếp cận dịch vụ phúc lợi hoặc được hưởng chế độ cụ thể như thế nào, nên đã tìm kiếm các dịch vụ tư nhân. Tình trạng một số người nhập cư kém hòa nhập xã hội đã tạo ra nguy hiểm/rủi ro về xã hội và an sinh. Nạn nghèo đói mới gia tăng. Ở một số lĩnh vực như y tế, giáo dục, chăm sóc... thiếu các nghiên cứu, phân tích đầy đủ về thực trạng chất lượng, chi phí và năng suất...

Thách thức lớn khác là việc tìm ra các chiến lược, cách thức để giải quyết hợp lí chế độ phúc lợi phụ thuộc rất lớn vào ảnh hưởng của các quan điểm chính trị truyền thống (phái chính trị cánh hữu, tả). Chẳng hạn, phái tư tưởng chính trị cánh hữu (Bảo thủ, Tư sản) kêu gọi đẩy mạnh tư nhân hoá hơn, khẳng định sự cần thiết phải lượng hoá về

chất lượng, hiệu quả, năng suất và quyền được hưởng lợi dựa trên nhu cầu người lao động, cảnh báo hoặc phản đối việc mở rộng hệ thống khu vực công tốn kém, đòi giảm dần mức hưởng chế độ phúc lợi cho người thất nghiệp. Ngược lại, phái chính trị cánh tả (XHCHN, dân chủ xã hội) tích cực đấu tranh đòi duy trì hệ thống phúc lợi hiện tại và phản đối việc tăng cường tư nhân hoá các dịch vụ phúc lợi xã hội...

Những câu hỏi quan trọng, mà các nhà nước phúc lợi Bắc Âu cần phải tiếp tục tính toán và tích cực giải đáp trong những năm tới:

Thứ nhất, thách thức về sức mạnh cạnh tranh kinh tế toàn cầu. Khu vực Bắc Âu đã khẳng định vị trí toàn cầu trong quá trình chuyển đổi từ xã hội công nghiệp sang xã hội tri thức. Chuyển đổi kinh tế từ nền sản xuất công nghiệp sang đổi mới/sáng chế công nghiệp và phát triển các doanh nghiệp dựa trên tri thức trong cạnh tranh với các nhà lắp ráp chi phí giá thấp ở nước ngoài. Hệ thống phúc lợi phát triển mạnh, mạng lưới an sinh xã hội và mức xung đột thấp giữa thị trường và lao động đã giúp cho các quốc gia này có thị trường lao động linh hoạt hơn và thích ứng cao hơn so với nhiều nước châu Âu. Kinh doanh ở Bắc Âu được hưởng lợi nhiều từ việc chuyển kí kết các hợp đồng ra bên ngoài khu vực, chuyển một số dịch vụ lắp ráp, chế tạo... sang các nước có chi phí giá

thấp hơn. Tuy nhiên, vấn đề sẽ nảy sinh đối với thị trường Bắc Âu khi các nước EU mới, Ấn Độ, Trung Quốc với nhân lực được đào tạo nâng cao về trình độ và cạnh tranh hơn trong nghiên cứu và phát triển, chế tạo và dịch vụ. Trong bối cảnh đó, liệu Bắc Âu có bảo đảm hoặc cải cách nhà nước phúc lợi đủ để đáp ứng các nhu cầu cạnh tranh toàn cầu? Việc áp dụng các quy định về chống phân biệt/loại trừ xã hội, về mức lương tối thiểu, các quyền của người lao động nhập cư của các chế độ phúc lợi sẽ là thách thức đối với mô hình phúc lợi phổ quát và hào phóng, vì nhập cư có thể làm tăng bất bình đẳng trong xã hội. Vậy xã hội Bắc Âu có chấp nhận sự gia tăng bất bình đẳng hoặc sẽ hạn chế nhập cư để duy trì một xã hội đồng nhất và có khả năng bình đẳng lớn nhất? Liệu Bắc Âu có đạt được điểm xếp hạng cao về phúc lợi, cạnh tranh và đổi mới khi cạnh tranh toàn cầu diễn ra ngày càng nhanh và mạnh mẽ hơn trong những năm tới?

Thách thức thứ hai là những rào cản của tư tưởng hạn chế đổi mới. Mô hình phúc lợi Bắc Âu mang tính chất toàn diện sẽ thu hút lực lượng lớn lao động nên khó khăn về mặt tài chính và khu vực công sẽ quá lớn. Điều này sẽ gây áp lực lớn cho nguồn lực khu vực công, do vậy cần thiết phải áp dụng các đánh giá về nhu cầu, gắn dịch vụ phúc lợi với các quyền được hưởng, xác định rõ hơn giới hạn loại hình dịch vụ nào khu vực công có thể

cung cấp và tài trợ và trách nhiệm của các cá nhân và khu vực tư nhân. Mặt khác, nếu các dịch vụ công không được cung cấp với chất lượng tốt, không có khả năng đáp ứng nhu cầu cá nhân người hưởng lợi và đoàn kết xã hội kém đi sẽ tạo ra sự đe dọa lớn cho sự phát triển của các nhà nước phúc lợi Bắc Âu trong tương lai.

Các nhà cung cấp dịch vụ phúc lợi tư nhân hiện nay đóng vai trò/mức độ thay thế khác nhau trong mô hình nhà nước phúc lợi Bắc Âu. Mặc dù ở một số nước Bắc Âu đã có những nỗ lực, vận động chính trị lớn nhằm ngăn chặn sự tham gia của tư nhân vào dịch vụ phúc lợi, song trên thực tế, thị trường dịch vụ tư nhân phần nào đã phát triển song hành để cung cấp dịch vụ phúc lợi ở những nước này. Điều này một phần là do người dân ngày càng trở nên không chắc chắn lắm về việc họ sẽ được nhận các dịch vụ cần thiết ở khu vực công và một số người khác lại có khả năng chi trả để mua các bảo hiểm y tế và dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng tư nhân.

Tuy nhiên, các học giả cho rằng, cần tránh lối tranh luận chính trị một cách cứng nhắc, nếu chỉ nhằm vào phân định xem đó là dịch vụ phúc lợi công hoặc tư thì sẽ hạn chế không gian đổi mới tư duy về phát triển phúc lợi trong xã hội. Do vậy, cần có những tranh luận tích cực, cởi mở hơn về vấn đề/khả năng, triển vọng xây dựng các mô hình hợp tác giữa khu vực công và tư nhân nhằm sử

dụng các nguồn lực tốt nhất và đảm bảo nền tảng cơ bản duy trì các dịch vụ phúc lợi có chất lượng, hiệu quả tốt nhất cho mọi người dân. Điều này xuất phát từ một số quan ngại rằng, nếu không đẩy mạnh xây dựng mô hình mới, theo hướng thu hút sự hợp tác của các đối tác tư nhân và phi lợi nhuận khác, các nước Bắc Âu sẽ có nguy cơ sử dụng các nguồn lực không hiệu quả, khoảng cách xã hội ngày càng lớn dần và ít chú trọng đến phát triển chất lượng, đổi mới.

Thực tế, mô hình gắn kết giữa khu vực công và tư đã được phát triển ở một số nơi. Ví dụ, Thụy Điển có hãng y tế tư nhân đã nhận hợp đồng 30 năm để thực hiện dịch vụ chăm sóc y tế ban đầu và cung cấp dịch vụ chuyên gia y tế cho 130.000 người dân ở khu vực ngoại ô Madrid, Tây Ban Nha. Dịch vụ y tế này trước đây vẫn do khu vực công Tây Ban Nha tài trợ và đáp ứng, song khi được công ty tư nhân đảm nhận đã có chất lượng cạnh tranh. Ở Bắc Âu có hệ thống các trường tư của Thụy Điển. Các trường tư có thể cung cấp dịch vụ chất lượng với nguồn tài trợ chính của nhà nước và thực hiện theo khuôn khổ tương tự như trường học ở khu vực công.

Liệu các nhà chính trị Bắc Âu có thực sự mong muốn phát triển một thị trường dịch vụ phúc lợi song song, hay muốn hạn chế và thúc đẩy hình thức hợp tác với khu vực tư nhân để làm cho thị trường dịch vụ đáp ứng

đầy đủ và toàn diện cho mọi người dân? Mô hình hợp tác này sẽ như thế nào trong khuôn khổ mô hình phúc lợi Bắc Âu nhằm đảm bảo các dịch vụ phúc lợi công trong tương lai là những vấn đề cần tiếp tục được bàn luận và giải đáp.

Thách thức thứ ba là việc khắc phục một số nhóm xã hội rơi vào tình trạng “bên lề hoá” và tách biệt xã hội. Phúc lợi ở Bắc Âu rất đặc biệt, khi xã hội duy trì nguồn tài chính hỗ trợ cả những người bên ngoài lực lượng lao động. Ví dụ, ở Na Uy có khoảng gần 1/4 dân số ở độ tuổi lao động nằm ngoài lực lượng lao động. Đặc biệt ở Na Uy và Thụy Điển, số người hưu trí, tàn tật hoặc nghỉ hưu sớm rất cao, những người nhập cư nằm bên ngoài lực lượng lao động nhiều hơn ở các nước EU khác.

Nhìn chung, mô hình phúc lợi đặc biệt của Bắc Âu vẫn giữ nét đặc trưng nổi trội, không thể bị giải thể, thu hẹp hoặc bị “Châu Âu hoá”. Nhiều nhà nghiên cứu, hoạt động chính trị, xã hội vẫn lạc quan nhận định và tin tưởng rằng, các nước Bắc Âu không từ bỏ mô hình chính sách xã hội đặc biệt của mình, và kể cả nếu có tiếp tục đổi mới, hoặc cải cách một số điểm hay chính sách cụ thể, thì mô hình này vẫn duy trì những nét khác biệt và nhà nước phúc lợi Bắc Âu vẫn tiếp tục tồn tại. Vì vậy, mô hình phúc lợi Bắc Âu là ý tưởng bền vững và phổ biến cho nhiều nước

châu Âu trong quá trình hòa nhập và phát triển.

Sự tồn tại của mô hình phúc lợi Bắc Âu đã được công nhận rộng rãi và được nhận diện qua nhiều phân loại khác nhau. Nghiên cứu so sánh cho thấy, bên cạnh những điểm chung, các nước Bắc Âu có nét đặc trưng, khác biệt thông qua việc huy động lực lượng công nhân, phụ nữ và có ảnh hưởng ở phạm vi rộng đến sự phát triển của chính sách xã hội công cộng, cam kết chính trị, đảm bảo việc làm toàn diện và giảm các bất bình đẳng (về giới, thu nhập, tình trạng gia đình, khu vực). Bình đẳng giới nổi trội và phụ nữ ít bị phụ thuộc vào thu nhập của người chồng hoặc bạn sống chung hơn các nước khác. Phát triển các chính sách giới cho thấy con đường phát triển chung và đồng nhất ở Bắc Âu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Stephen, J. D, 1995, *The Scandinavian welfare states: Achievements, crisis and prospects*, UNRISD.
2. Timonen V, 2004, *New risks - are they stil new for the Nordic Welfare states in Taylor - Goody (-ed) New risks, New welfare*, Oxford University Press, Oxford.
3. Esping - Andersen G, 1999, *Social foundations of post-industrial economies*, Oxford University Press, Oxford.
4. Peter Taylor - Goody et al, 2005, *Welfare reform and Management of societal changes*. Final project report, Project HPSE-CT 2001-00078.
5. Mikko Kautto và Jon Kvist. 2002. *Distinct or existinct, Nordic welfare states in the European context*. WP, The Danish National Institute of Social Research.
6. Kunhle S, Hort S. E.O, 2004, *The developmental welfare state in Scandinavia-Lessons for the developing world*. UNRIDS, Social policy and development, PP N 17.
7. Norlund, A 2002, *Resilient welfare state: Nordic welfare state development in the late 20th century*. Doctoral Dissertation. Umea University. Umea.
8. Morten Engberg, 2003, *The Nordic countries and the EU: How the European integration and disintegrate states domestically*, WP 11/2003 Arena, University of Oslo, Naug.
9. Nordic Council of Ministries, 2006, *Nordic contries: The Scandinavian experience: Barriers, results and opportunities*.
10. Mark Cleinman, 2002, *A European welfare state? European Union scial policy in context*. Palgrave.
11. Nordic business federations, 2006, *In search of best nordic practice- a case study on how to adjust to globalization*.